

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 246/2017/HSPT

Ngày: 30/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các thẩm phán: Ông Tô Phú Đông

Ông Ngô Tấn Lợi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 219/2017/HSPT ngày 03 tháng 8 năm 2017
đối với bị cáo Nguyễn H.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số
24/2017/HSST ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN H

- Tên gọi khác: N;
- Sinh năm 1987;
- ĐKTT: Số 22/17, đường H, Khóm A, Phường N, TP. S, tỉnh Đồng Tháp
- Chỗ ở: Ấp P, xã T, TP. S, tỉnh Đồng Tháp;
- Nghề nghiệp: Lái xe;
- Trình độ văn hóa: 12/12;
- Con ông Nguyễn T, sinh năm 1959 và con bà Lưu Thị Kim H1, sinh
năm 1962;
- Vợ: Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1992;
- Con: có 01 con tên Nguyễn H2, sinh năm 2016;

- Anh, chị, em: có 01 người tên Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1989;
- Tiền sự: Không;
- Tiền án: Có 01 tiền án. Bản án số 57/2010/HSST ngày 01/12/2010 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đ xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam về các tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/3/2011, thi hành xong hình phạt bổ sung vào ngày 14/7/2016, chưa được xóa án tích;
- Tạm giữ: Ngày 30/3/2017;
- Tạm giam: Ngày 08/4/2017;
- Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Anh Trần Quang M, sinh năm 1987;

HKTT: 353/21 đường Nguyễn D, Phường A, Quận B, thành phố H.

Chỗ ở: 353A H, Khóm 4, Phường N, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2016 Nguyễn H đến trung tâm ngoại ngữ Hoàn M tọa lạc số 353A, đường H, Khóm 4, Phường N, thành phố S, do anh Trần Quang M làm giám đốc để học Anh văn. Trong quá trình học tập, H được bạn học cùng lớp là anh Võ Trọng B cho biết Tòa án nhân dân huyện C, đang thụ lý 02 vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng vay giữa bà Nguyễn Thị Y, chị Nguyễn Yên T (mẹ và chị ruột của anh M) với chị Nguyễn Thảo C (chị ruột của anh M) đã kéo dài nhiều năm nhưng chưa được đưa ra xét xử và có ý nhờ Hiếu giúp đỡ.

Ngày 20/9/2016 anh B hẹn anh M đến quán cà phê Góc P tọa lạc Khóm 4, Phường N, thành phố S để gặp H, nhờ H giúp đỡ sớm đưa 02 vụ án nêu trên ra xét xử. Tại đây, anh M trình bày nội dung 02 vụ án tranh chấp giữa bà Y, chị T với chị C và đưa toàn bộ các giấy tờ có liên quan cho H xem. Sau khi xem xong, H hứa sẽ tìm cách giúp đỡ cho bà Y và chị T thắng kiện. Sau đó, H lên mạng xã hội đăng nhập vào diễn đàn “Ô tô fun” và kết bạn với ông Tr (không rõ

họ tên, địa chỉ) tự giới thiệu là Luật sư tư vấn pháp lý, H liền trao đổi nội dung vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Y, chị T cho ông Tr biết, ông Tr cho biết khả năng bà Y, chị T sẽ thắng kiện cao.

Đến ngày 23/9/2016, H điện thoại cho anh M đặt vấn đề chi phí để bà Y, chị T thắng kiện vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất với số tiền là 100.000.000đồng, số tiền này H nói là sẽ đưa lại cho những người có thẩm quyền trong Tòa án nhân dân huyện C và tác động họ để vụ án sớm đưa ra xét xử, được anh M đồng ý. Để tạo lòng tin, H còn rủ anh M đến quán cà phê Góc P uống bia cùng một số cán bộ trong ngành Tư pháp tỉnh Đồng T.

Ngày 01/10/2016 H được Tòa án nhân dân tỉnh Đ, tuyển dụng vào ngành và công tác tại Tòa án nhân dân huyện C với nhiệm vụ lái xe ô tô. Trong thời gian làm việc tại đây, H nhìn thấy lịch thông báo xét xử nên biết vụ án tranh chấp hợp đồng vay giữa bà Y với chị C sẽ được Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử vào ngày 21/10/2016. Sau đó, H tiếp tục lên mạng xã hội đăng nhập vào diễn đàn “Ô tô fun” gặp ông Triết để trao đổi nội dung vụ án hợp đồng vay của bà Y thì ông Tr cho biết khả năng bà Y sẽ thắng kiện nên H điện thoại cho anh M nói chi phí để bà Y thắng kiện vụ án tranh chấp hợp đồng vay với số tiền là 1.500 USD, số tiền này H nói sẽ đưa cho Hội đồng xét xử, được anh M đồng ý. Khoảng 20 giờ ngày 20/10/2016, H đến trung tâm ngoại ngữ Hoàn M đưa điện thoại di động Samsung Galaxy E7 đã bị hư màn hình của Lãnh đạo Tòa án nhân dân huyện C mà trước đó có nhờ H đi sửa cho anh M xem. Sau đó, H đề nghị anh M đưa cho H 500 USD để cả hai hùn tiền mua tặng Chánh án 01 điện thoại di động iPhone 7 Plus thì được anh M đồng ý. Do không biết địa điểm bán điện thoại nên H lấy ra 13.500.000 đồng của mình và 500 USD vừa nhận được đưa lại cho anh M để mua 01 điện thoại di động iPhone 7 Plus trị giá 23.900.000 đồng. Sau khi mua điện thoại xong, anh M đưa cho H và H đã lấy sử dụng cá nhân.

Ngày 21/10/2016 Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng vay giữa bà Y với chị C, kết quả Hội đồng xét xử tuyên xử: Đình chỉ xét xử khởi kiện của bà Y yêu cầu chị C trả số tiền vay 400.000.000 đồng. Thấy kết quả xét xử không được như mong muốn của gia đình anh M, nên khoảng 20 giờ cùng ngày H đến trung tâm ngoại ngữ Hoàn M gặp anh M nói dối với anh M là mục đích của Chủ tọa phiên tòa đình chỉ xét xử vụ án để bà Y làm thủ tục kháng cáo và nhờ Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đ quen biết với H sẽ là người thụ lý hồ sơ giúp cho bà Y thắng kiện. Anh M tưởng thật nên tiếp tục đưa cho H nhận số tiền 1000 USD và 2.500.000 đồng cho thư ký đánh bản án nhanh. Sau khi nhận tiền xong, ngày 24/10/2016 H đến tiệm vàng Hiệp T tọa lạc số 03, đường L, Khóm 1, Phường C, thành phố S gặp ông Trần Văn T để đổi 1000

USD được số tiền 22.500.000 đồng, số tiền này H sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân.

Ngày 07/11/2016, H tiếp tục điện thoại cho anh M nói dối là lãnh đạo Tòa án C kêu anh M đưa 100.000.000 đồng để sớm đưa vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất ra xét xử và giúp bà Y, chị T thắng kiện. Anh M tưởng thật nên khoảng 20 giờ ngày 08/11/2016 tại trung tâm ngoại ngữ Hoàn M, anh M đưa cho H nhận số tiền 80.000.000 đồng, H kêu anh M đưa thêm 2.000.000đ để H đưa cho thư ký đánh máy đơn kháng cáo vụ kiện vay tiền, do đó H nhận của anh M số tiền là 82.000.000đ.

Đến ngày 17/12/2016, Hiếu nhắn tin qua mạng Zalo yêu cầu anh M đưa cho H tiếp số tiền 20.000.000 đồng còn lại trong số tiền 100.000.000 đồng đã thỏa thuận trước đó. Khoảng 17 giờ cùng ngày, anh M hẹn H đến quán sinh tố (không rõ bảng hiệu, địa chỉ) thuộc Phường N, thành phố S để đưa tiếp cho nhận số tiền 15.000.000 đồng.

Tổng cộng: số tiền Hiếu nói dối để chiếm đoạt tiền của anh M là 99.500.000 đồng và 1500 USD. Số tiền có được H không đưa cho bất kỳ ai hoặc tác động những người có thẩm quyền trong việc giải quyết 02 vụ án dân sự của bà Y, chị T mà H sử dụng vào việc tiêu xài cá nhân hết.

Đối với anh M sau khi đưa tiền cho H xong, anh M thường xuyên liên lạc với H để hỏi về tiến độ giải quyết 02 vụ án nêu trên, nhưng H nhiều lần hứa hẹn. Thấy sự việc kéo dài, kết quả giải quyết vụ án không được như mong muốn và H còn yêu cầu anh M đưa tiếp số tiền 45.000.000 đồng nên ngày 26/01/2017 anh M làm đơn tố cáo H gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân huyện C. Sau đó, đơn của anh M được chuyển đến Công an thành phố S thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Biết được sự việc anh M làm đơn tố cáo, sợ sự việc bị phát hiện nên ngày 16/02/2017 H hẹn anh M đến quán cà phê Đ tọa lạc khóm T, phường An H, thành phố S thỏa thuận việc trả lại tiền và yêu cầu anh M viết biên nhận ghi số tiền 99.500.000 đồng và 1500 USD mà anh M đưa cho H thành tiền đặt cọc mua xe ô tô biển số 66A-119.83 để cả hai không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng anh M không đồng ý.

Đến ngày 29/3/2017, H mượn của ông Võ Phước T số tiền 70.000.000 đồng và đến trung tâm ngoại ngữ Hoàn M trả lại cho anh M thì bị Công an thành phố S lập biên bản sự việc, đồng thời thu giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus màu đen trắng, bên trong có sim số 0916111101; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, bên trong có sim số 0888056156; Số tiền 70.000.000 đồng của Nguyễn H;

- 01 giấy biên nhận do Nguyễn H viết nhận nợ của bà Nguyễn Thị Y và anh Trần Quang M bằng giấy kẻ ngang;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu LG màu vàng – đen – trắng đã qua sử dụng của anh Trần Quang M;

- 01 USB hiệu Kingston màu xanh, dung lượng 04 GB do anh M giao nộp, bên trong có lưu trữ: 02 file video ghi lại hình ảnh H trao đổi, trả lại số tiền 70.000.000 đồng tại trung tâm ngoại ngữ Hoàn M; 01 file ghi âm cuộc nói chuyện giữa anh M, Nguyễn H, anh Võ Trọng B và anh Võ Phước T tại quán cà phê Đ vào ngày 16/02/2017 về việc trao đổi làm biên nhận số tiền 99.500.000 đồng và 1500 USD.

Tại Công văn số 310/TCKH ngày 21/4/2017 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố S xác định:

- Giá USD ngày 20/10/2016, 01 USD đổi được 22.340 đồng;

- Giá USD ngày 21/10/2016, 01 USD đổi được 22.350 đồng.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã trao trả:

- Số tiền 70.000.000 đồng cho anh Võ Phước T.

- 01 điện thoại di động hiệu LG màu vàng – đen – trắng cho anh Trần Quang M nhận lại xong.

- Bà Lưu Thị Kim H1 (mẹ của bị cáo H) đã khắc phục, trả lại cho anh M số tiền 33.020.000 đồng, anh M nhận xong và tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 100.000.000 đồng, đồng thời anh M có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa anh M xác định gia đình bị cáo đã nộp thêm 5.000.000đ, còn lại 95.000.000đ anh M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 95.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu anh M.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2017/HSST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn H (N) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm e khoản 2 Điều 139, Điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn H mức án 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017, bị cáo Nguyễn H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, anh Trần Quang M (người bị hại) có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp, đề nghị: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn H, sửa quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt đề nghị giảm cho bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Lý do sau khi án sơ thẩm xử gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền còn lại là 95.000.000đ, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra án sơ thẩm chưa xem xét ông Nguyễn T (là cha bị cáo) có thành tích trong quá trình công tác, mẹ bị cáo bị bệnh.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, lời khai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Bị cáo Nguyễn H là người có tiền án theo bản án số 57/2010/HSST ngày 01/12/2010 của Tòa án nhân dân huyện L, xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tổng hợp 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo chưa được xóa án tích. Sau đó bị cáo xin vào làm tài xế lái xe cho Tòa án nhân dân huyện C. Như vậy bị cáo cũng có nghề nghiệp, có việc làm ổn định và có lương hàng tháng để lo cho bản thân. Nhưng trước khi vào làm việc bị cáo lại muốn có tiền tiêu xài theo sở thích cá nhân mà không phải lao động cực nhọc. Từ ý nghĩ đó nên bị cáo đã tìm cách để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Bị cáo lừa đảo bằng cách nói với người bị hại đang là Giám đốc trung tâm ngoại ngữ là bị cáo sẽ tác động được lãnh đạo Tòa án, cán bộ Tòa án sẽ sớm đưa vụ án ra xét xử và lo cho hội đồng xét xử sẽ xử thắng kiện theo yêu cầu bị hại. Nhưng với điều kiện phải đưa cho bị cáo số tiền là 99.500.000 đồng và 1.500 USD để bị cáo lo lót cho những người trên.

Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo xin vào Tòa án huyện làm tài xế là để tiếp tục dùng thủ đoạn để lừa người bị hại tin. Do đó khi vào công tác bị cáo tìm hiểu và biết được người xét xử 2 vụ kiện của người bị hại và ngày xét xử vụ kiện. Bị cáo nói với người bị hại bằng nhiều cách như: Lãnh đạo Tòa án kêu đưa tiền, mua điện thoại cho lãnh đạo, đưa tiền để lo cho người xét xử vụ án, rủ bạn làm việc trong ngành đi uống rượu giới thiệu mối quan hệ cho người bị hại biết tin tưởng bị cáo và bị cáo còn nói phải lo

cho thư ký đánh máy bản án nhanh. Ngoài ra khi cấp sơ thẩm xử người bị hại thua kiện bị cáo còn nói với người bị hại sẽ có thư ký Tòa án cấp tỉnh lo và sẽ xử thắng kiện.

Bằng các thủ đoạn trên bị cáo làm cho người bị hại tin tưởng và đưa tiền cho bị cáo nhiều lần. Bị cáo vào làm việc ngày 01/10/2016 thì đến ngày 24/10/2016 kêu bị hại đưa tiền mua Iphone 7 Plus và đến tháng 11/2016 bắt đầu nhận tiền từ người bị hại rất nhiều lần. Sau khi nhận tiền bị cáo không đưa cho bất kỳ ai trong Tòa án cũng không tác động ai trong việc giải quyết 02 vụ án dân sự của bà Y, chị T. Số tiền nhận từ người bị hại bị cáo khai bị cáo sử dụng vào việc trả nợ tiền, đưa xe trái phép tại TP H và tiêu xài cá nhân hết. Sau khi nhận số tiền lớn bị cáo vẫn chưa dừng lại mà còn kêu người bị hại đưa thêm cho bị cáo số tiền 45.000.000đ nữa. Nhưng lúc này người bị hại đã nghi ngờ bị cáo nên không tiếp tục đưa thêm và tố cáo đến Công an. Bị cáo biết người bị hại có đơn tố cáo nên yêu cầu bị hại viết biên nhận số tiền đưa cho bị cáo là tiền đặt cọc mua xe ô tô để cả hai không phạm tội. Người bị hại không đồng ý theo yêu cầu bị cáo nên ngày 29/3/2017, bị cáo mượn của ông Võ Phước T số tiền 70.000.000đ trả lại cho người bị hại, thì bị Công an thành phố S bắt giữ bị cáo cùng tang vật.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Ngoài ra còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội, làm mất lòng tin của người dân đối với Cơ quan pháp luật và bị cáo còn làm mất uy tín của cán bộ trong Ngành Tòa án. Do đó cần có thời gian cải tạo giáo dục bị cáo nghiêm khắc để có tác dụng phòng ngừa chung trong xã hội hiện nay. Án sơ thẩm xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Nhưng xét thấy sau khi án sơ thẩm xử gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền còn lại là 95.000.000đ và được người bị hại có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra án sơ thẩm chưa xem xét ông Nguyễn T (là cha bị cáo) có thành tích trong quá trình công tác, mẹ bị cáo bị bệnh. Do đó, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và giảm cho bị cáo một phần về hình phạt, là phù hợp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn H. Sửa quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn H (N) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn H 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (T. Em).

(đã ký)

Nguyễn Thị Mai

